TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2023/HS-ST
Ngày 20-9-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh Tú

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Hoàng Trần Trọng An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Đậm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 196/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 và thông báo chuyển lịch phiên toà số 322/TB-TA ngày 13/9/2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Tiến Đ, sinh ngày 24 tháng 10 năm 1999 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị D; vợ là Vũ Thị Như Q và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2023; chuyển tạm giam từ ngày 14/4/2023 tại Trại tạm giam Công an thành phố H; có mặt.

2. Đào Văn T, sinh ngày 05 tháng 3 năm 1992 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đào Đức T1 (đã chết) và bà Đồng Thị T2; vợ là Nguyễn Thúy T3; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2023; chuyển tạm giam từ ngày 14/4/2023 tại Trại tạm giam Công an thành phố H; có mặt.

3. Đinh Văn T4, sinh ngày 06 tháng 4 năm 1994 tại Hà Nam. ĐKHKTT: Thôn B (thôn D cũ), xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nơi ở: Số D P, Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đinh Văn H và bà Ngô Thị D1; vợ là Đào Thu H1; có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2023; chuyển tạm giam từ ngày 14/4/2023 tại Trại tạm giam Công an thành phố H; có mặt.

- *Bị hại:* Công ty TNHH C; địa chỉ: Khu Công nghiệp V, thuộc xã L, huyện T, Hải Phòng. Người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Thanh N, trưởng phòng Hành chính, nhân sự, có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Đồng Xuân L, anh Nguyễn Hồng T5, anh Phạm Khắc H2, anh Bùi Huy T6 và chị Đặng Thị H3, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2023, Phạm Tiến Đ và Đào Văn T là công nhân của Công ty TNHH C (là Công ty 100% vốn Nhật Bản, gọi tắt Công ty C), địa chỉ: Khu Công nghiệp V, thuộc xã L, huyện T, Hải Phòng nảy sinh ý định và bàn nhau trộm cắp các cuộn đồng nguyên liệu trong kho của công ty bán lấy tiền sử dụng cá nhân.

Ngày 07/3/2023, Đ và T thấy xe ô tô BKS 15H-033.62 kéo theo rơ moóc BKS 15R-067.73 do Đinh Văn T4 chở 01 container in hàng nguyên chì vào kho của Công ty C rồi lấy hàng chở về kho ở C, Hải Phòng. Thấy có cơ hội trộm cắp tài sản, Đ và T bàn bạc với T4 trộm cắp 02 cuộn đồng ra ngoài công ty, Đ và T sẽ trả công cho T4 10.000.000 đồng tiền công, T4 đồng ý. T điều khiển xe nâng vào kho lấy 01 pallet bên trên có 02 cuộn đồng nguyên liệu đưa ra khu vực chờ xuất hàng để cùng với 17 pallet hàng xuất đi theo yêu cầu của Công ty C. Sau đó, Đ điều khiển xe nâng đưa 17 pallet hàng xuất đi theo đơn hàng và 01 pallet chứa 02 cuộn đồng trộm cắp lên thùng xe container của T4. Sau khi chuyển hàng trộm cắp lên thùng xe, Đ đưa cho T4 phiếu xuất kho và cho T4 số điện thoại của Đ để liên lạc. Trường kiểm tra đếm đủ hàng hóa xuất theo phiếu xuất kho là 17 pallet và thêm 01 pallet trộm cắp thì điều khiển xe ô tô ra khỏi Công ty C. Sau đó, T4 gọi điện thoại cho Đ ra lấy hàng nhưng Đ yêu cầu T4 đợi thêm đến cuối ngày nên T4 đã yêu cầu Đ trả thêm 1.000.000 đồng tiền lưu ca xe, Đ đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Đ và T điều khiển xe máy tới gặp T4 ở khu vực ngã ba Sở Dầu, Hồ N, Hải Phòng. Đ và T điều khiển xe máy đi trước dẫn đường cho T4 di chuyển dọc khu vực đường N hướng về C, Hải Phòng. Sau khi hỏi một vài địa điểm nhưng không bán được, cả bọn tiếp tục di chuyển theo hướng Cảng Đình V. Đến khu vực đường N (cách cầu vượt B C khoảng 600m về phía C, Hải Phòng), Đ và T thuê xe

nâng của 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) để hạ 02 cuộn đồng xuống đất. Sau đó, T4 tiếp tục lái xe chở 17 pallet còn lại đi trả hàng.

T gọi điện nhờ ông Đồng Xuân L, sinh năm 1974, trú tại: Thôn P, xã L, T, Hải Phòng (cậu ruột T) để nhờ liên hệ trước với Đặng Thị H3, sinh năm 1975, trú tại: Thôn P, xã L, T, Hải Phòng để bán 02 cuộn đồng. Sau đó Đ và T thuê xe taxi tải, BKS 15C-119.39 của Công ty cổ phần É do anh Nguyễn Hồng T5, sinh năm 1970, trú tại: Số A L, N, Hải Phòng) điều khiển chở 02 cuộn đồng về bán cho bà H3 với giá 170.000 đồng/kg được 141.270.000 đồng. Đ, T bớt cho bà H3 270.000 đồng. Bà H3 chuyển khoản trả cho Đ số tiền là 140.000.000 đồng và đưa 1.000.000 đồng tiền mặt cho T. Sau đó, Đ đã chuyển khoản chia cho T số tiền là 66.000.000 đồng và chuyển khoản trả cho T4 số tiền 11.000.000 đồng công vận chuyển.

Đến ngày 08/3/2023, bà H3 bán 02 cuộn đồng trên cho anh Phạm Khắc H2, sinh năm 1971, trú tại: Thôn G, K, T, Hải Phòng với giá 172.000 đồng/kg được 142.932.000 đồng. Sau đó, anh H2 bán tiếp cho anh Bùi Huy T6, sinh năm 1994, trú tại: Thôn C, xã H, K, Hưng Yên với giá 186.000 đồng/kg được 154.566.000 đồng. Anh T7 đã bán lại cho một người đàn ông không quen biết với giá 187.000 đồng/kg nên không thu hồi được số vật chứng nêu trên.

Ngày 05/4/2023, Phạm Tiến Đ, Đào Văn T và Đinh Văn T4 đến Công an huyện T đầu thú.

Ngày 20/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định 01 USB do Công ty C giao nộp. Ngày 11/5/2023, Phòng K - Công an thành phố H ban hành kết luận giám định, trích xuất 24 hình ảnh thể hiện quá trình các bị cáo trộm cắp tài sản.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 05/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, Hải Phòng kết luận: 02 cuộn đồng nguyên liệu của Công ty C nặng 831,4 kg trị giá 216.946.514 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, lời khai các của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại và những người làm chứng, Kết luận định giá tài sản, sao kê tài khoản ngân hàng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án: Chuyển 01 điện thoại di động S A12, màu xanh thu giữ của Phạm Tiến Đ đến Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng để giải quyết theo vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 10/4/2023, đại diện gia đình Phạm Tiến Đ, Đào Văn T và Đinh Văn T4 đã bồi thường khắc phục thiệt hại cho Công ty C số tiền 219.465.000 đồng. Công ty C không có yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số 197/CT-VKSHP-P3 ngày 29 tháng 8 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố Phạm Tiến Đ, Đào Văn T và Đinh Văn T4 về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Tiến Đ, Đào Văn T và Đinh Văn T4 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, phân tích hành vi phạm tội đánh giá tính chất vụ án, xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Tiến Đ từ 04 đến 05 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Xử phạt Đào Văn T từ 04 đến 05 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Xử phạt Đinh Văn T4 từ 03 đến 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động thu của bị cáo Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 07/3/2023, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, Phạm Tiến Đ, Đào Văn T và Đinh Văn T4 đã cùng bàn bạc, lén lút chiếm đoạt của Công ty C 02 cuộn đồng nguyên liệu trị giá 216.946.514 đồng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá 216.946.514 đồng nên hành vi của các bị cáo đã vi phạm điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự " *Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng"*. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy

tố các bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến hình ảnh con người Việt Nam nên phải xử phạt nghiêm để răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Xét vai trò của bị cáo: Trong vụ án có đồng phạm nhiều bị cáo tham gia, Hội đồng xét xử phân hoá các bị cáo như sau. Bị cáo Đ và bị cáo T có vai trò ngang nhau, các bị cáo đã chủ động bàn bạc với nhau và cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đi tiêu thụ tài sản sau đó cùng nhau ăn chia. Bị cáo T4 là đồng phạm bị rủ rê, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo làm theo sự chỉ đạo của bị cáo Đ và bị cáo T, bị cáo T4 được ăn chia ít nhất.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã bồi thường đầy đủ cho bị hại, đại diện Công ty bị hại có công văn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, gia đình các bị cáo đều có công với cách mạng nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hậu quả của vụ án đã được khắc phục hoàn toàn nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và xử phạt bị cáo Phạm Tiến Đ và bị cáo Đào Văn T mức án ngang nhau. Riêng bị cáo Đinh Văn T4 xét vai trò thấp nhất trong vụ án, được hưởng lợi ít nhất nên xử mức án thấp hơn bị cáo Đ và bị cáo T như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo hiện đang bị giam giữ không có việc làm, không có thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho bị hại và bị hại không có yêu cầu bồi thường khoản nào khác nên không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động S A12, màu xanh thu giữ của Phạm Tiến Đ liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[14] Các vấn đề khác: Đối với Đặng Thị H3, Phạm Khắc H2, Bùi Huy T6, Đồng Xuân L và Nguyễn Hồng T5 có hành vi vận chuyển, mua bán 02 cuộn đồng của các bị cáo trộm cắp nhưng không biết tài sản là do các bị cáo trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phạm Tiến Đ 05 (năm) năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2023.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đào Văn T 05 (năm) năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2023.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đinh Văn T4 03 (ba) năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2023.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01(một) điện thoại di động S A12, màu xanh, số Seri: R58RB5Q6DJE, Imei 1: 357026898913276, Imei 2: 357412788913271 (đã qua sử dụng).

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/9/2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc các bị cáo Phạm Tiến Đ, Đào Văn T, Đinh Văn T4 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo, bị hại;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Tỉnh